

TRIẾT LÝ NHÂN VĂN TRONG TÁC PHẨM “BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP”

TRẦN VĂN PHÒNG^(*)

ĐÀO VĂN QUANG^(**)

Ngày nhận bài: 01/12/2025 Ngày thẩm định: 03/12/2025 Ngày duyệt đăng: 24/12/2025

Tóm tắt: Bài viết phân tích triết lý nhân văn của tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp”, đồng thời làm rõ sự độc ác, dã man của chế độ thực dân Pháp đối với người dân bản xứ: sự vinh quang của thực dân Pháp được nuôi bằng “thuế máu” của nhân dân bản xứ; sự bất nhân của thực dân Pháp khi đầu độc người bản xứ bằng rượu và thuốc phiện; bộ máy ăn bám quan liêu, công kênh, tham nhũng, lãng phí là nguyên nhân làm cho đời sống nhân dân khó khăn, khốn khổ; không có công lý cho người dân bản xứ; Nguyễn Ái Quốc tin tưởng vào sự thức tỉnh của người dân bản xứ.

Từ khóa: Bản án chế độ thực dân Pháp; chính phủ thực dân; triết lý nhân văn

Bản án chế độ thực dân Pháp là tác phẩm được Nguyễn Ái Quốc viết vào những năm 1921 - 1925 và được xuất bản lần đầu tiên năm 1925 tại Paris, Pháp. Tác phẩm gồm 12 chương, phần phụ lục và chú thích với văn phong ngắn gọn, súc tích cùng các sự kiện sống động. Tác phẩm tố cáo những thủ đoạn “hút máu” của thực dân Pháp đối với nhân dân thuộc địa ở Á, Phi, đồng thời, phân tích, phơi bày những tội ác vô nhân đạo của chế độ thực dân Pháp ở các nước thuộc địa trên phương diện kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa. Đây chính là sự tàn bạo của “những nhà khai hóa” Pháp, với những thủ đoạn đê hèn, vô nhân tính đã bóc lột người dân bản xứ cả về thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy, *Bản án chế độ thực dân Pháp* là tác phẩm thể hiện triết lý nhân văn sâu sắc của Nguyễn Ái Quốc.

Thứ nhất, Nguyễn Ái Quốc đã chứng minh sự vinh quang của thực dân Pháp được nuôi bằng “thuế máu” của nhân dân bản xứ

Ở Chương 1, với tên gọi “Thuế máu”, cùng những con số biết nói, Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo đanh thép tội ác của thực dân Pháp, bắt 700.000 người bản xứ sang phục vụ cho chính sách thực dân của Pháp⁽¹⁾. Trong số đó, “80.000 người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa”⁽²⁾. Những người bản xứ ở chiến trường thì dùng “máu mình tưới những vòng nguyệt quế của các cấp chỉ huy và lấy xương mình chạm nên những chiếc gậy của các ngài thống chế”⁽³⁾; còn ở hậu phương, những kẻ khốn khổ ấy cũng đã khạc ra từng miếng phổi. Nghĩa là, vinh quang của nước Pháp được tưới bằng máu, đắp bằng xương và thịt của những người dân bản xứ. Người dân Đông Dương, Tây Phi phải chịu đủ thứ sưu sai, tạp dịch, bị cưỡng bức mua rượu, thuốc phiện và bị bắt lính. Sau khi hoàn thành công việc chiến tranh thì họ

^(*) GS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

^(**) ThS, Trường Chính trị Quảng Ngãi

bị thực dân Pháp đối xử rất tệ bạc, cướp hết của cải, tiền bạc: “cho họ ăn như cho lợn ăn và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt, không giường nằm, không ánh sáng, thiếu không khí”⁽⁴⁾. Cho nên, có thể khẳng định, Chính phủ thực dân Pháp và chế độ bản xứ do Pháp dựng lên là một chế độ không có chính nghĩa và công lý, một chế độ được nuôi bằng “thuế máu” của người dân bản xứ.

Qua việc nộp “thuế máu”, Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo rất rõ tội ác của chính quyền thuộc địa và Chính phủ thực dân Pháp. Theo Nguyễn Ái Quốc: “chính quyền thuộc địa đã phạm tới hai tội ác đối với nhân loại. Một mặt, họ vẫn chưa thỏa khi tự tay làm cái việc bi ôi của người đầu độc, mà còn muốn lôi kéo vào đây cả những nạn nhân đáng thương hại của cuộc huynh đệ tương tàn nữa. Mặt khác, họ coi rẻ tính mạng và xương máu của những kẻ đã bị họ lừa bịp”⁽⁵⁾. Trong nỗi đau buồn của những người lính thì chính quyền thuộc địa và Chính phủ thực dân Pháp lại tổ chức ăn chơi, đàng điếm, không có chút tế nhị văn hóa nào. Họ coi thường, không tôn trọng văn hóa truyền thống của người bản xứ.

Tệ hại hơn, ở Maroc, để dạy mọi người sống cho ra sống, Chính phủ thực dân Pháp đã bắt đầu bằng việc giết họ. Với lời văn chua cay và hóm hỉnh, Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo tội ác kinh tởm của Chính phủ thực dân Pháp đối với người bản xứ Maroc. Về bản chất, những kẻ khai sáng thường quen thói “giáo dục” người bản xứ bằng việc đánh đập hoặc roi vọt. Như vậy, Nguyễn Ái Quốc không chỉ nói đến thương vong, mà nói về quyền sống, quyền cơ bản nhất của con người bị chà đạp để phục vụ vinh quang cho kẻ cai trị. Đó là sự đối lập giữa nhân văn giả hiệu mà thực dân Pháp rêu rao và phản nhân văn mà chúng thi hành ở các dân tộc thuộc địa.

Thứ hai, sự bất nhân của Chính phủ thực dân Pháp khi đầu độc người bản xứ bằng rượu và thuốc phiện

Trong *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nguyễn Ái Quốc đã rất thành công khi mô

tả những thủ đoạn bi ôi, sự bất nhân, độc ác vô hạn của Chính phủ thực dân Pháp trong việc đầu độc người bản xứ. Những kẻ đi “khai hóa” đã thực hiện “cứ một nghìn làng thì có đến một nghìn năm trăm đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện. Nhưng cũng trong số một nghìn làng đó lại chỉ có vèn vèn mười trường học”⁽⁶⁾. Hằng năm, “người ta cũng đã tọng từ 23 đến 24 triệu lít rượu cho 12 triệu người bản xứ, kể cả đàn bà và trẻ con”⁽⁷⁾. Nghĩa là, Chính phủ thực dân Pháp đã thực hiện “khai hóa” cho người dân bản xứ bằng rượu và thuốc phiện.

Những kẻ cai trị không tôn trọng tôn giáo và văn hóa của người bản xứ. Trong hơn 10 năm, ở Đông Dương: “người ta không hề đặt thêm được một kilômét đường sắt nào, cũng không khai thác được lấy một hécta ruộng nào”⁽⁸⁾, nhưng sẵn sàng “bỏ ra 65 triệu đồng tức 450 triệu phrăng để làm đường và dinh thự”⁽⁹⁾ cho đám công chức phục vụ Chính phủ thực dân Pháp. Trong khi đó, những công trình đã được thừa nhận là cần thiết và được Nghị viện thông qua thì lại bị bỏ rơi. Như vậy, có thể hiểu, bản chất của chính quyền thuộc địa và Chính phủ thực dân Pháp không phải để phục vụ cho người dân bản xứ, mà chủ yếu là phục vụ cho bọn tôi tớ của chính quyền tay sai. Cho nên, ở Việt Nam, có ông Utorây là một nghị viên Nam Kỳ, có một đồn điền 2.000 hécta và mười lăm năm nay, ông chủ đồn điền đáng kính này không nộp một xu nhỏ thuế nào⁽¹⁰⁾. Ông Đáclơ không có một xu dính túi và mắc nợ như chúa chõm, nhưng nhờ một chính khách có thế lực, ông ta được bổ nhiệm làm quan cai trị ở Đông Dương, làm tỉnh trưởng và bây giờ có cơ hội vợ vét, làm giàu vô tội vạ⁽¹¹⁾. Nguyễn Ái Quốc đã viết rõ bản chất của ông Đáclơ: “ở Pari, không làm giàu nổi bằng cách bóc lột khách hàng, sang Bắc Kỳ ông ta gỡ gạc lại bằng cách bắt bớ, giam cầm, xử tội người An Nam một cách độc đoán, để bòn rút họ”⁽¹²⁾. Đội ngũ Công sứ đều là những kẻ bắt tài, độc ác, đánh người vô cơ. Nước Pháp đã cử những người như

thể sang khai sáng các nước thuộc địa, làm cho thuộc địa mãi chẳng khá lên được.

Thứ ba, bộ máy ăn bám, quan liêu, công kênh, tham nhũng, lãng phí là nguyên nhân khiến đời sống người dân bản xứ khó khăn, khổ khổ

Chính phủ thực dân Pháp đã xây dựng bộ máy cai trị quan liêu, công kênh, tốn kém. Sự tốn kém này đè nặng lên vai những người bản xứ phải nộp thuế để nuôi bộ máy. Chẳng hạn, “Án Độ thuộc địa Anh, dân số 325 triệu người, có 4.898 viên chức người Âu. Ở Đông Dương thuộc địa Pháp, dân số 15 triệu người, có 4.300 viên chức người Âu. Như thế nghĩa là ở thuộc địa Anh, cứ 66.150 người dân thì có một viên chức người Âu, còn ở thuộc địa Pháp, thì cứ 3.490 người dân đã có một viên chức người Âu. Ở Ấn Độ, ngành thương chính có 240 viên chức người Âu, ở Đông Dương, ngành thương chính có 1.100 viên chức người Âu. Ở Ấn Độ, có 26.000 nhà dây thép với 268 viên chức người Âu, ở Đông Dương có 330 nhà dây thép với 340 viên chức người Âu”⁽¹³⁾. Số liệu cho thấy, viên chức người Âu mà Chính phủ thực dân Pháp cử sang bản xứ đông gấp 20 lần so với thuộc địa của Anh. Chính đội ngũ viên chức người Âu này là nguyên nhân làm cho người bản xứ khổ khổ.

Nguyễn Ái Quốc nêu rõ, ở Đông Dương, “cái loài ăn hại ngân sách ấy lại nhiều đến thế? Bởi vì thuộc địa là một thiên đường... tất cả những cặn bã trong các ngành chính trị, tài chính, báo chí..., mà chính quốc thải ra”⁽¹⁴⁾. Người chỉ ra nguyên nhân của cái khổ nạn, bất công ấy: “Khi người ta có màu da trắng thì nghiêm nhiên người ta là một nhà khai hóa. Mà khi người ta đã là một nhà khai hóa thì người ta có thể làm những việc dã man mà vẫn cứ là người văn minh nhất”⁽¹⁵⁾. Cho nên, những người khai hóa tìm mọi cách, bất chấp mọi thủ đoạn, kể cả đê tiện, bất nhân để không trả lương cho người làm, ăn quyt tiền công, ép người làm nhận là ăn cắp để trừ lương,... miễn là kiếm được tiền từ người bản xứ đáng thương.

Nguyễn Ái Quốc đã trích dẫn lời của một nhà du lịch người châu Âu nói về sự khốn nạn của những người khai sáng Pháp đối với người bản xứ Đông Dương: “Đời sống ở thuộc địa chỉ làm cho tật xấu của cá nhân phát triển: những kẻ đã ném mùi chiến tranh thì càng mất hết ý thức đạo đức, càng trụy lạc, bất lương và độc ác; những bọn con buôn và bọn phiêu lưu khác thì càng quen mùi trộm cắp, cướp giết. Ở bên Pháp ít có dịp để làm những việc đó, và người ta sợ cảnh sát hơn! Ở đây, bọn nói trên, đôi khi chỉ có một mình với vài người bản xứ, trên một con thuyền hoặc trong một thôn xóm; vì vậy chúng cướp bóc trắng trợn hơn là người Âu trên thị trường, và đối xử tàn nhẫn hơn với những nông dân nào phản đối chúng”⁽¹⁶⁾. Có thể nói, những người khai sáng đã tạo ra sự bất công vô hạn ở Đông Dương. Chẳng hạn, tính mạng một con người An Nam bị rẻ rúng không đáng giá một trinh, thì ngài Tổng Thanh tra Rêna chỉ bị suột một chút da ở cánh tay lại được lĩnh đến 120.000 phrăng tiền bồi thường.

Chính phủ thực dân Pháp cũng như chính quyền thuộc địa là chính quyền quan liêu, công kênh và luôn có những hành vi hết sức đê tiện, hoang phí tiền bạc của người dân bản xứ. Chẳng hạn, để chờ ngày đẹp cho vua An Nam bù nhìn về nước, họ sẵn sàng “trả 400.000 phrăng; tiền chiêu đãi hết 240.000 phrăng; 77.600 phrăng trả tiền ăn ở tại Mácxây cho lính khổ xanh dùng để “bồng súng chào” cụ lớn và hoàng thượng”⁽¹⁷⁾,... Nguyễn Ái Quốc chỉ ra rằng, bản chất của những kẻ khai sáng thì ở Đông Dương hay châu Phi cũng giống nhau: “Nếu chúng ta đến các thuộc địa khác, thì ở đâu chúng ta cũng thấy một tình trạng tẻ lậu như vậy. Để đón tiếp một phái đoàn “kinh tế” không chính thức, ngân khố Máctinich “nhẹ bồng đi” mất 400.000 phrăng. Trong vòng 10 năm, ngân sách Maroc từ 17 triệu lên 290 triệu phrăng, mặc dầu người ta đã giảm 30% các khoản chi tiêu cho lợi ích địa phương, tức là những khoản chi tiêu có thể có lợi cho nhân dân bản xứ”⁽¹⁸⁾.

Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ: “Dù trước kia họ là những anh hùng cháo, hoặc giám thị trong các nhà trường, nhưng khi đã đặt chân đến thuộc địa là các nhà khai hóa ấy của chúng ta sống một đời sống đế vương. Một viên quan cai trị dùng năm sáu lính khố xanh để chặn dê cho mình; một viên khác bắt lính có nghề điêu khắc chạm trổ cho mình những tượng Phật xinh xắn hoặc đóng cho mình những rương hòm rất đẹp bằng gỗ dạ hương”⁽¹⁹⁾. Nghĩa là, những kẻ khai sáng có đủ cách để kiếm tiền, bóc lột người bản xứ. Ngoài ra, những kẻ khai sáng còn nghĩ ra thuê ruộng không có chủ, tức khai không diện tích thu thuế, khai không số đình làng phải đóng lên, ép dân mua trái phiếu, bọn nhà đoan thì chỉnh sửa luật lệ tùy tiện miễn là kiếm được tiền. Cho nên, có thể nói, chính vì một chính phủ khai sáng tham nhũng, hoang phí nên người dân thuộc địa bản xứ phải đói khổ.

Thứ tư, chế độ “khai sáng” là chế độ không có công lý cho người dân bản xứ

Những người nhân danh khai sáng cho bản xứ, họ công bố mang đến bản xứ công lý, nhưng trên thực tế họ chỉ mang tới sự bất công. Những kẻ khai sáng có thể giết người bản xứ tùy tiện không bị xử phạt; ngược lại, người bản xứ không may giết người khai sáng thì bị tử hình và phải đền bù. Nguyễn Ái Quốc đã mỉa mai công lý của những kẻ khai sáng: “Công lý được tượng trưng bằng một người đàn bà dịu hiền, một tay cầm cân, một tay cầm kiếm. Vì đường từ Pháp đến Đông Dương xa quá, xa đến nỗi sang được tới đó thì cán cân đã mất thăng bằng, đĩa cân đã chảy lỏng ra và biến thành những tẩu thuốc phiện hoặc những chai rượu ty, nên người đàn bà tội nghiệp chỉ còn lại độc cái kiếm để chém giết. Bà chém giết đến cả người vô tội, và nhất là người vô tội”⁽²⁰⁾. Mỉa mai hơn, họ có thể phịa ra một âm mưu đảo chính, âm mưu vũ trang chống chính quyền không có để lĩnh thưởng. Họ bỏ nhiệm những thẩm phán đã từng vi phạm pháp luật ở nơi khác và giao công lý vào tay những kẻ thường xuyên vi phạm công lý.

Để che đậy bản chất xấu xa, đê tiện, chính quyền khai sáng ra lệnh kiểm duyệt báo chí. Với biện pháp kiểm duyệt báo chí, chính quyền Đông Dương có thể im được tất cả vụ như nhóp và tha hồ lạm quyền. Không những vậy, “bàn tay bí ối của kiểm duyệt không dừng lại ở các xuất bản phẩm tiếng Việt mà còn rờ mó cả vào thư từ riêng và các tờ báo tiếng Pháp không chịu ca tụng đức độ của các “Cụ lớn” thuộc địa”⁽²¹⁾. Cùng với kiểm duyệt báo chí thì chính quyền khai sáng còn thực hiện chính sách ngu dân, không mở trường học. Theo Nguyễn Ái Quốc: “*Làm cho dân ngu để dễ trị*”, đó là chính sách mà các nhà cầm quyền ở các thuộc địa của chúng ta ưa dùng nhất”⁽²²⁾. Những kẻ khai sáng còn lợi dụng Công giáo để đàn áp dân thường, chiếm ruộng, đất của dân. Nguyễn Ái Quốc đã vạch trần rõ, phần rất lớn tài sản ấy, giáo hội giành được bằng những thủ đoạn xảo trá mà họ không thể và cũng không bao giờ thú nhận. Bởi vậy, những kẻ khai sáng đã lợi dụng Công giáo để xâm lược, nô dịch dân bản xứ: “Chúa đầy lòng nhân ái và toàn năng. Là đáng sáng thế tối cao, Người đã nặn ra một chủng tộc gọi là thượng đẳng để đặt lên lưng một chủng tộc gọi là hạ đẳng cũng do Người nặn ra. Bởi vậy, mọi đoàn đi khai hóa - dù đến Ăngtiơ, Mađagátxca, Tahiti hay là Đông Dương - cũng đều có móc theo một đoàn gọi là đoàn truyền giáo”⁽²³⁾. Những kẻ khai sáng còn đối xử bất công, tàn bạo, dã man với phụ nữ bản xứ. Nguyễn Ái Quốc khẳng định, chế độ thực dân là ăn cướp, là hiếp dâm và giết người. Những lời nhận định của Nguyễn Ái Quốc đã và vào mặt thực dân Pháp: “Thật là một sự mỉa mai đau đớn khi thấy rằng nền văn minh - dưới nhiều hình thức khác nhau như tự do, công lý, v.v., được tượng trưng bằng hình ảnh dịu hiền của một người phụ nữ và được một hạng người tự cho là phong nhã ra sức điếm tô - lại đối xử một cách hết sức bí ối với người phụ nữ bằng xương, bằng thịt và xúc phạm tới phong hóa, trinh tiết và đời sống của họ một cách cực kỳ vô liêm sỉ”⁽²⁴⁾.

Thứ năm, Nguyễn Ái Quốc tin tưởng vào sự thức tỉnh của người dân bản xứ

Tính nhân văn trong triết lý của Nguyễn Ái Quốc là tin vào con người, tin vào bản chất người của những người dân bản xứ. Đối với Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc tin rằng, ở khắp nơi và giai cấp công nhân cũng bắt đầu giác ngộ về lực lượng và giá trị của mình. Chẳng hạn, ở Đahômây, ở Xiria những người dân đã thức tỉnh, đang tìm cách đấu tranh chống lại những kẻ khai sáng giả tạo. Đặc biệt, Cách mạng Tháng Mười Nga thành công năm 1917 đã cổ vũ nhân dân các dân tộc bị áp bức. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, nhưng “nước Nga cách mạng vẫn không hề một phút do dự trong việc giúp đỡ các dân tộc ấy, những dân tộc mà nó đã thức tỉnh bằng tấm gương cách mạng anh dũng và thắng lợi của nó. Việc làm đầu tiên của nó là thành lập Trường đại học Phương Đông”⁽²⁵⁾. Những người Bôn-sê-vích không những coi người dân thuộc địa “thấp kém” như anh em, mà còn mời họ tham gia đời sống chính trị của nước Nga. Với sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản và Quốc tế Nông dân, nhân dân các nước thuộc địa nhất định sẽ giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống những kẻ thực dân khai sáng. Vì vậy, cùng với liên minh công - nông phải thành lập công đoàn ở các nước thuộc địa: “Không được quên những người lao động thuộc địa, phải giúp đỡ các tổ chức của họ, đấu tranh bền bỉ chống những chính phủ của chính quốc đang áp bức các thuộc địa, đó là một trong những nhiệm vụ cấp thiết nhất của tất cả các công đoàn cách mạng, nhất là ở các nước có giai cấp tư sản đi nô dịch và bóc lột các nước thuộc địa và nửa thuộc địa”⁽²⁶⁾. Từ cơ sở này, Nguyễn Ái Quốc kêu gọi thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa (tổ chức của những người bản xứ ở tất cả các thuộc địa), nhằm cùng nhau đoàn kết đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân.

Qua đây cho thấy, giá trị nhân văn trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh được thể

hiện ở nhiều khía cạnh, nhưng căn cốt nhất là: chứng minh sự vinh quang của thực dân Pháp được nuôi bằng “thuế máu” của nhân dân bản xứ; tố cáo sự bất nhân của Chính phủ thực dân Pháp khi đầu độc người bản xứ bằng rượu và thuốc phiện; chứng minh bộ máy ăn bám, quan liêu, công kèn, tham nhũng, lãng phí là nguyên nhân dẫn đến đời sống người dân bản xứ khó khăn, khốn khổ; chế độ “khai sáng” là không có công lý cho người dân bản xứ và sự thức tỉnh của người dân bản xứ. Từ những nội dung cốt lõi này, khẳng định triết lý nhân văn, tình yêu thương nhân dân bản xứ hết lòng của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Vì yêu thương những người bản xứ và tin tưởng vào sự thức tỉnh của họ, nên Nguyễn Ái Quốc đã dồn hết tâm huyết vào tố cáo đanh thép bọn thực dân “khai hóa” - đã bóc lột người bản xứ bằng mọi thủ đoạn xấu xa, đê hèn, đầu độc người dân bản xứ bằng rượu, thuốc phiện cùng mọi sự bất công. Với triết lý nhân văn sâu sắc, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh tin tưởng vào tinh thần yêu nước, ý chí quật cường của những người dân lao động bản xứ. Cùng với nhạy cảm chính trị và lòng yêu thương những người lao động mà Người tin vào Cách mạng Tháng Mười Nga, tin vào sự giúp đỡ của những người Bôn-sê-vích đối với nhân dân bản xứ, tin vào sự đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau giữa những người bản xứ để cùng nhau đánh đổ những kẻ “khai hóa” thực dân, xây dựng nên một xã hội mới nhân văn, nhân đạo vì con người, trước hết là vì người lao động. Hơn 100 năm đã trôi qua, nhưng triết lý nhân văn trong *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh vẫn sống mãi cùng nhân dân lao động và thời đại □

(1), (2), (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16), (17), (18), (19), (20), (21), (22), (23), (24), (25) và (26) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.2, tr.26, 26, 26, 32, 33, 40, 40, 47, 48, 51, 55, 55, 61, 61, 63, 67, 75, 76, 79-80, 99, 107, 108, 112, 118, 130 và 137